Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN VĂN HUYỀN
Ngày ký: 11.03.2014 17:41

VINACONEX
VINAVICO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

ANNUAL REPORT 2013

----------oOo----------

c«ng ty Cæ phÇn x©y dùng c«ng tr×nh ngÇm

Hîp nguån søc m¹nh – KÕt tinh trÝ tuÖ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

----------R----------

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

(Theo mẫu Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: /BC-CTN	*Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2014*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Năm báo cáo: 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101377725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/05/2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12/01/2012.
- Vốn điều lệ: 69.583.450.000 đồng
- Vồn đầu tư của Chủ sở hữu: 69.583.450.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng Hà Nội.
- Điện thoại: 04 6 251 0101
- Fax: 04 6 251 0100
- Website: http://www.vinavico.com
- Mã chứng khoán: CTN

2. Qúa trình hình thành và phát triển

a. Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm (VINAVICO) được thành lập trên cơ sở kết hợp của Tổng công ty cổ phần VINACONEX và Công ty TNHH CAVICO Việt Nam là các đơn vị giàu truyền thống trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng…đã thực hiện nhiều công trình trọng điểm Quốc gia trên địa bàn cả nước. Kế thừa nhiều kinh nghiệm qúy báu, trong giai đoạn đầu Vinavico tập chung chủ yếu vào lĩnh vực Thi công công trình ngầm : Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện và cấp thoát nước .v.v… là một trong lĩnh vực đầy tiềm năng và hiện tại đang bùng nổ tại Việt nam

Ngày 28/05/2003, Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm được thành lập và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0103002292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Năm 2012 đăng ký thay đổi và được cấp số đăng ký doanh nghiệp 0101377725 là mã số thuế trước đây.

Để đáp ứng với sự phát triển của Công ty, Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm đã cho ra đời các Công ty thành viên và các chi nhánh, văn phòng đại diện như sau:

Thành lập chi nhánh khu vực Tây nguyên : Ngày 26 tháng 05 năm 2004.

Khởi đầu cho bước đi của mình, VINAVICO đến với khu vực miền Trung - Tây Nguyên và thành lập chi nhánh đại diện tại Đăk Lăk. Tại đây công ty tham gia các dự án :

** Dự án thuỷ điện Buôn Kuốp (Đăk Lăk) - Ngày khởi công: 21/11/2003.*

** Dự án thuỷ điện Buôn Tua Srah (Đăk Lăk) - Ngày khởi công: 25/11/2004.*

** Dự án thuỷ điện Srêpốk 3 (Đăk Nông, Đăk Lăk) - Ngày khởi công: 24/12/2005.*

** Dự án thủy điện Đắkr'tih (Đăk Nông) - Ngày khởi công: 25/02/2008*

** Dự án thủy điện Đambri (Lâm Đồng) năm 2009*

** Dự án thủy điện Đa Dâng (Lâm Đồng) năm 2010*

** Dự án thủy điện Sông Bung 2 (Quảng Nam) năm 2012*

Thành lập chi nhánh khu vực Tây bắc : Ngày 24 tháng 08 năm 2004.

Nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như mở rộng thị phần cho tương lai, VINAVICO thành lập chi nhánh đại diện tại Lào Cai. Hiện tại công ty tham gia thi công các dự án :

** Dự án thuỷ điện Ngòi Phát (Lào Cai) - Ngày khởi công: 15/05/2003.*

** Dự án thuỷ điện Bản Chát (Lai Châu) - Ngày khởi công: 08/01/2006.*

** Dự án thủy điện Sơn La (Sơn La) - Ngày khởi công: 20/7/2007*

** Dự án thủy điện Nho Quế 3 (Hà Giang) – Ngày khởi công: 04/02/2009*

** Dự án thủy điện Tà Thàng (Lào Cai) năm 2009*

Thành lập chi nhánh khu vực miền trung : Ngày 29 tháng 11 năm 2004.

Tiếp đó, VINAVICO thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm tại Nghệ An và Thanh Hóa. Thi công các Dự án :

****** *Dự án thuỷ điện Bản Vẽ (Nghệ An) - Ngày khởi công: 07/08/2004.*

** Dự án thuỷ điện Cửa Đạt (Thanh Hoá) - Ngày khởi công: 24/12/2005.*

** Dự án thủy điện Hủa Na (Nghệ An) năm 2009*

Thành lập văn phòng đại diện phía nam : Ngày 29 tháng 10 năm 2005.

VINAVICO đã thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh để mở rộng thị phần, phát triển thương mại và quảng bá thương hiệu VINAVICO tại phía Nam.

b. Niêm yết:

Ngày 20/12/2006, Cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm (mã chứng khoán CTN) được chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 28/8/2007, Công ty đã được phép phát hành thêm 1.900.000 cổ phiếu ra công chúng theo Quyết định số 158/UBCK-GCN của Chủ tịch Uỷ ban chứng khoán Nhà nước.

Đến nay, Công ty đã đươc HNX cấp phép niêm yết 6.958.345 cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Thi công xây lắp các công trình Ngầm, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây, trạm biến áp đến 110 KV;
- Chế tạo, lắp đặt trang thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng trong xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh thương mại điện tử;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm điện tử tin học;
- Tổ chức các chương trình hội nghị, hội thảo, quảng cáo;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ nhận ủy thác đầu tư;
- Tư vấn, quản lý các Dự án đầu tư xây dựng (Không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Buôn bán, lắp đặt thiết bị, máy móc cho các Dự án môi trường;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị;
- Sản xuất, buôn bán máy móc thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị, sơ đồ tổ chức

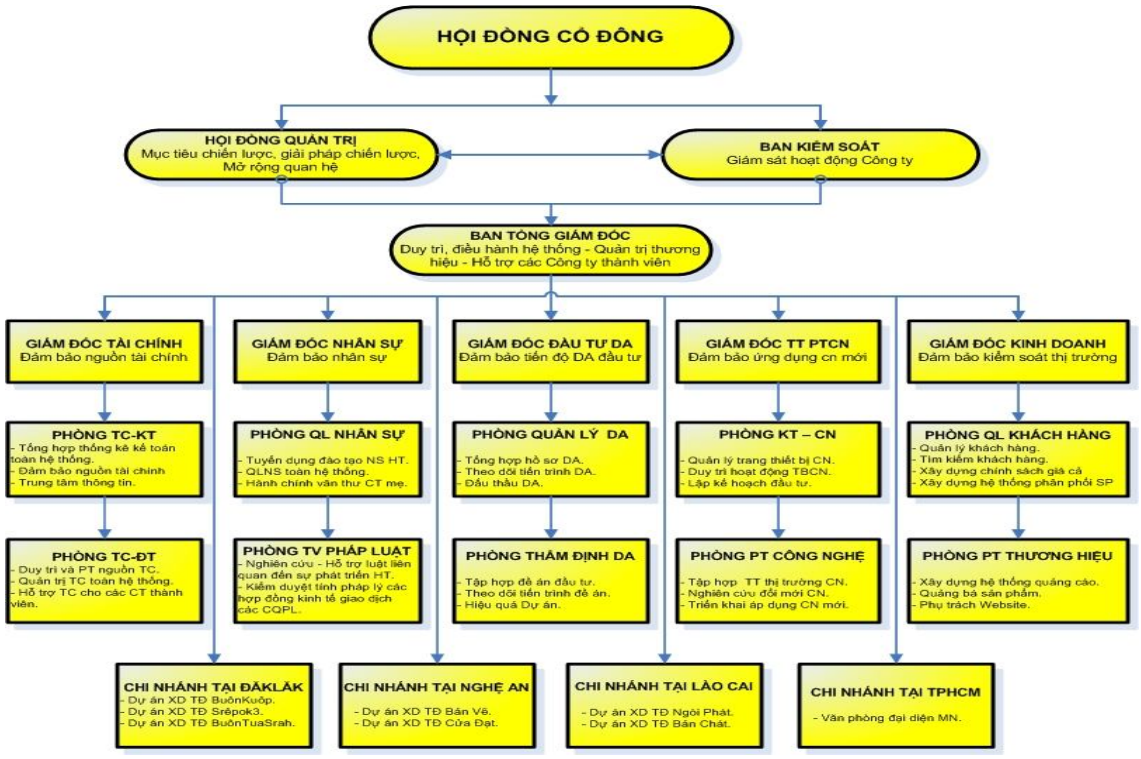

b. Danh sách công ty liên kết

TT	Tên đơn vị thành viên	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của CTN
1	VINAVICO Infortech	Phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội	Công nghệ thông tin	3.000.000.000	20,00%
2	VINAVICO Incom (CTM)	Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, HN.	Khai thác mỏ	43.999.960.000	26,04%
3	VINAVICO VITRAVICO (CTV)	Tầng 11, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, HN.	Cơ khí thương mại, dịch vụ	20.000.000.000	12,00%
4	VINAVICO Navicom (CTA)	Số 28, Lô 1B Khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Khai thác khoáng sản	92.000.000.000	0,71%

5. Định hướng phát triển:

a. Mục tiêu của công ty:

- Đảm bảo sự thành công của các sản phẩm sản xuất và các công trình đã và đang thi công của công ty để thu hút các nhà đầu tư;
- Mang lại lợi nhuận cho các cổ đông; bảo toàn và phát triển vốn góp của các cổ đông;
- Tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Đẩy mạnh công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để mở rộng SXKD, tạo ra bước đột phá về uy tín và giá cổ phiếu của công ty trên thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế;
- Mở rộng thêm những hướng kinh doanh và hợp tác kinh doanh mới cho phù hợp với xu thế chung của xã hội;
- Xây dựng thương hiệu công ty trở thành một thương hiệu mạnh;
- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuËt, ¸p dông khoa häc kü thuËt, c«ng nghÖ tiªn tiÕn, n©ng cao n¨ng lùc kinh doanh, chñ ®éng héi nhập kinh tế khu vực và thế giới;
- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ mới;
- Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình;
- §¶m b¶o ®êi sèng vËt chÊt æn ®Þnh, ®êi sèng v¨n ho¸ tinh thÇn phong phó;
- Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế – xã hội tại các địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở và tham gia SXKD.
- Đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch về các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như: doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động, cổ tức, nộp ngân sách.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn trong những năm tới:

- Chiến lược phát triển của Công ty cổ phần xây dựng công trình ngầm là luôn luôn đổi mới, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh, thi công xây lắp □. Mọi cán bộ công nhân viên của Công ty đều có ý thức xây dựng, phấn đấu bồi dưỡng trình độ, nâng cao tinh thần đoàn kết để x©y dùng tËp thÓ v÷ng m¹nh, sẵn sàng đón nhận những thử thách và cơ hội mới. Hiện nay Công ty

đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo ti[a]u chuÈn ISO 9001: 2000, C«ng ty lu«n lÊy kinh tế, chất lượng sản phẩm là thước đo cho sự phát triển bền vững.

– Hợp tác với các đối tác hiện nay đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tại các địa bàn có kế hoạch phát triển của nhà nước.

– Định hướng phát triển 2014: Thu hồi vốn đầu tư ngoài ngành và vốn đầu tư xây dựng đảm bảo lợi ích của Công ty trong thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Lựa chọn các dự án xây dựng có nguồn vốn tốt trong lĩnh vực x©y l¾p c¸c c«ng tr×nh Thuû ®iÖn, thuû lîi, c«ng nghiÖp, giao th«ng.

6. ***Các rủi ro:*** Rủi ro về tình hình tài chính không ổn định có thể dẫn đến dòng tiền về từ các dự án đã thi công bị chậm, Chủ đầu tư thiếu vốn giải ngân ảnh hưởng lớn đến các quyết sách của Công ty đối với các dự án.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ %TH/KH	Thực hiện 2012	Tỷ lệ % tăng trưởng so với 2012
1	Doanh thu bán hàng &CCDV	Tỷ đồng	208.32	210.85	101.21%	345.44	61.04%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.05	0.50	24.43%	0.84	59.55%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	105.00	107.97	102.83%	107.50	100.43%
4	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	24.54	24.23	98.75%	35.72	67.84%
5	Khấu hao tài sản	Tỷ đồng	10.00	13.59	135.90%	15.10	90.03%
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	5.00	3.00	60.00%	0	300.00%
7	Lao động tiền lương	Người					
-	*Nhân sự*	*Người*	*185.00*	*174.00*	*94.05%*	*276*	63.04%
-	*Thu nhập bình quân người/tháng*	*Triệu đồng*	*6.08*	*6.13*	*100.82%*	*6.07*	100.99%
8	Đầu tư	Tỷ đồng	10.00	0.64	6.40%	0.94	68.09%
-	*Đầu tư chiều sâu* (đầu tư tài sản cố định cho SXKD chính)	Tỷ đồng	0.00	0.64	100.00%	0.94	68.09%
-	*Đầu tư mở rộng* (góp vốn liên doanh, liên kết lĩnh vực khai thác mỏ, thương mại, dịch vụ, cơ khí, sản xuất	*Tỷ đồng*	10.00	0.00	0.00%	0.00	0.00%

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

+ Lợi nhuận chỉ đạt khoảng 25% so với kế hoạch.

+ Doanh thu vượt kế hoạch (chủ yếu do kết chuyển sản lượng dở dang từ các năm trước), Tuy nhiên lợi nhuận rất thấp điều này cho thấy hiệu quả sử dụng nguồn lực thấp , chi phí lớn đặc biệt là chi phí tài chính.

+ Nguyên nhân chủ yếu anh hưởng tới kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD 2013 là do những tác động chính của nền kinh tế tài chính,việc giải ngân của các chủ đầu tư khó khăn dẫn đến vốn lưu động khan hiếm tại doanh nghiệp, điều này ảnh hưởng tới tất cả các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Hoàn	005C001764	Tổng giám đốc	012863498	2006-03-28	Hà Nội	160,438	2.31%
2	Lê Văn Trung		Phó Tổng Giám đốc,	011869172	2002-08-29	Hà Nội	0	0.00%
3	Chu Anh Đức		Phó Tổng Giám đốc,	012055337	2011-03-11	Hà Nội	15,092	0.22%
4	Ngô Bá Gắng		Phó Tổng Giám đốc,	017288472	2011-07-02	Hà Nội	0	0.00%
5	Nguyễn Huy Tưởng		Kế toán trưởng,	111377192	2003-07-02	Hà Tây	3,685	0.05%

Thay đổi trong Ban điều hành: Ông Nguyễn Hữu Hiệng-Phó TGĐ xin thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc trong năm 2013.

b. Số lượng CBNV

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty - CTN			
			Kế hoạch 2013	*Thực hiện 2013*	*Tỷ lệ % TH/KH*	*Tỷ lệ % so TH 2012*
1	Đại học, trên đại học	Người	38	31	81.6%	88.6%
2	Cao đẳng, trung cấp	Người	15	14	93.3%	45.2%
3	Công nhân kỹ thuật	Người	30	28	93.3%	37.3%
4	Lao động phổ thông	Người	102	101	99.0%	74.8%
	Tổng cộng		**185**	**174**	**66.5%**	**62.3%**

(Nguồn số liệu: Phòng Tổ chức hành chính)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Tình hình đầu tư:

- *Về Chủ trương:* Thu hẹp đầu tư để bảo toàn vốn. Có xét đến các cơ hội đầu tư nếu hội tụ đủ các điều kiện: Tạo ra giá trị, có lợi thế cạnh tranh, Khả thi và có tính bền vững.
- *Về cụ thể:*

* Thoái vốn các đơn vị thành viên khoảng 19 tỷ, trong đó:

- Đối với các công ty thành viên chưa là công ty đại chúng và chưa niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán: Xây dựng phương án, tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng thì vẫn chưa thực hiện được.
- Đối với các công ty đại chúng đã niêm yết trên thị trường chứng khoán: CTM, CTV, CTA: Trong thời gian vừa rồi thị trường chứng khoán hết sức trầm lắng và sụt giảm, thanh khoản thấp nên Cũng chưa thực hiện được.

* Thanh lý các tài sản đầu tư cũng bằng nhiều hình thức như thuê mua tài chính…: Các đối tác đều trả thấp hơn nhiều so với định giá.

* Nghiên cứu đầu tư công nghệ thi công hầm toàn tiết diện TBM: Hợp tác với TV PECC2 trình chủ đầu tư Đa nhim mở rộng.

* Nghiên cứu đầu tư vào một số lĩnh vực cụ thể gia tăng giá trị cho doanh nghiệp: Nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực mua bán. Sáp nhập doanh nghiệp.

- Nghiên cứu thị trường truyền thống của Doanh nghiệp là công trình ngầm chuẩn bị tham gia đấu thầu chuẩn bị cho công việc cho các năm tiếp theo khi Năng lực của doanh nghiệp hồi phục: Dự án Thoát nước thải TP HCM, HN, Huế, Đa nhim mở rộng…
- Công nghệ TBM, tìm kiếm các nhà thầu có kinh nghiệm liên danh cùng thi công: Đã ký hợp đồng với đối tác Herenkernek của Đức đầu tư công nghệ TBM và cùng tham gia thi công dự án Thượng kon tum khoảng 960 tỷ đồng.
- Phát huy triệt để thế mạnh của mình trong lĩnh vực XD công trình ngầm và thương hiệu đã định vị trên thị trường, đã ký được một số hợp đồng và các thỏa thuận mới:
  - \+ HĐ Dự án Thủy điện Đak mi2 - Quảng nam 300 tỷ
  - \+ HĐ Dự án Thủy điện Thác mơ mở rộng - Bình Phước 200 tỷ
  - \+ HĐ Dự án Đường hầm Đèo cả - Phú yên, Khánh Hòa 1000 tỷ
  - \+ Đang tham gia đấu thầu các gói thầu khác trị giá khoảng 1000 tỷ
- Công ty sẽ tập trung vào các dự án có nguồn vốn tốt và ưu tiên dự án có nguồn vốn nước ngoài.

b. Tình hình thực hiện các dự án

Quản trị theo mục tiêu:

- Chất lượng: Đạt yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công.
- Tiến độ:

Bảng 4: Chi tiết tiến độ dự án thực hiện năm 2013

TT	Dự án	Hạng mục	Tiến độ dự kiến	Đánh giá chung	Nguyên nhân
1	Hải Phòng	San lấp mặt bằng	30-06-2013	Đạt tiến độ	
2	Tà Thàng	Thi công hầm	31-07-2013	Chậm tiến độ 45 ngày	Bê tông do chủ ĐT cấp thiếu
3	Đa dâng	Thi công Hầm	31-12-2013	Chậm tiến độ 90 ngày	Do địa chất yếu

4	Sông Bung 2	Thi công Hầm	31-12-2014	Chậm tiến độ 30 ngày	Tổ chức kém
5	Bản chát	Đổ Bê tông mái NM	30-06-2013	Chậm tiến độ 30 ngày	Thiếu Bê tông

(Nguồn số liệu: Trung tâm ĐT&QL Dự án)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	492,803,866,575	595,740,212,720	-17.28%
2	Doanh thu thuần	210,848,805,786	345,442,538,555	-38.96%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5,379,820,308)	835,123,048	-744.19%
4	Lợi nhuận khác	6,015,958,354	306,714,087	1861.42%
5	Lợi nhuận trước thuế	636,138,046	1,141,837,135	-44.29%
6	Lợi nhuận sau thuế	500,848,034	841,238,580	-40.46%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3	-	300.00%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.20	1.13	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.77	0.71	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.78	0.82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3.56	4.54	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1.18	1.47	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.43	0.58	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.24%	0.24%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.46%	0.78%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.10%	0.14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-2.55%	0.24%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 6.958.345 CP phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.958.345 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 CP

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	2,493,810	35.84%
2	Cổ đông nhỏ	4,464,535	64.16%
Tổng		**6,958,345**	**100.00%**
1	Cổ đông tổ chức	2,149,946	30.90%
2	Cổ đông cá nhân	4,808,399	69.10%
Tổng		**6,958,345**	**100.00%**
1	Cổ đông trong nước	6,705,469	96.37%
2	Cổ đông nước ngoài	252,876	3.63%
Tổng		**6,958,345**	**100.00%**
1	Cổ đông Nhà nước	2,145,000	30.83%
2	Các cổ đông khác	4,813,345	69.17%
Tổng		**6,958,345**	**100.00%**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 là một năm tiếp tục khó khăn về kinh tế, trong bối cảnh đó, Vinavico đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách vĩ mô để thắt chặt và điều chỉnh ổn định nền kinh tế. Vinavico tạm giữ vững được sự ổn định kinh doanh năm 2013. Sau đây là một số đánh giá cụ thể:

***a. Kết quả kinh doanh trong năm 2013*:** Không đạt kế hoạch đề ra

- Lợi nhuận chỉ đạt khoảng 25% so với kế hoạch.
- Doanh thu vượt kế hoạch (chủ yếu do kết chuyển sản lượng dở dang từ các năm trước), Tuy nhiên lợi nhuận rất thấp điều này cho thấy hiệu quả sử dụng nguồn lực thấp , chi phí lớn đặc biệt là chi phí tài chính.
- Nguyên nhân chủ yếu anh hưởng tới kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD 2013 là do những tác động chính của nền kinh tế tài chính,việc giải ngân của các chủ đầu tư khó khăn dẫn đến vốn lưu động khan hiếm tại doanh nghiệp, điều này ảnh hưởng tới tất cả các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

***b. Thu nhập của cán bộ công nhân viên*:** được nâng cao lương trung bình đạt 6,07 triệu/tháng/người.

***c. Công tác thị trường*:** còn hạn chế, các dự án trúng thầu đều được tiếp cận từ năm 2011, một số dự án được tiếp cận từ năm 2012, nhưng hiệu quả chưa đạt được như mong muốn.

- Công tác thị trường không chỉ là tìm kiếm các dự án và mở rộng thị trường mà còn đặc biệt phải chú trọng đến công tác marketing tức là quảng bá hình ảnh của công ty ra công chúng. Tuy nhiên, công tác này hầu như chưa được thực hiện.
- Công tác thị trường còn được thể hiện ở việc xác định vị trí của công ty trên thị trường xây dựng, tìm hiểu các chiến lược của các đơn vị bạn, trên cơ sở đó phân tích và đánh giá, xây dựng chiến lược thị

trường cho phù hợp tình hình thực tế trên thị trường, như công nghệ TBM, thi công các đường hầm đô thị.

d. ***Hoàn thành pháp lý*** về việc quản trị thương hiệu hệ thống.

e. ***Hiện đại hóa quy trình quản trị*** : Phần mềm kế toán, vật tư và nhân sự online

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		434,357,677,200	522,680,339,207
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4,966,424,994	2,709,194,481
1.	Tiền	111		4,966,424,994	2,709,194,481
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,499,780,610	2,066,967,684
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3,906,335,369	3,835,935,369
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,406,554,759)	(1,768,967,685)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257,188,819,557	306,587,615,877
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	228,826,328,296	277,747,386,573
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	22,891,587,255	23,462,812,741
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	5,470,904,006	5,377,416,563
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		164,163,765,865	204,846,589,774
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	164,163,765,865	204,846,589,774
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6,538,886,174	6,469,971,391
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	111,461,589
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	6,538,886,174	6,358,509,802
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58,446,189,375	73,059,873,513
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		33,649,580,547	47,472,786,396
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33,649,580,547	47,472,786,396
	Nguyên giá	222		146,912,423,187	155,711,033,193
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113,262,842,640)	(108,238,246,797)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	Nguyên giá	228	V.10	591,604,920	591,604,920
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(591,604,920)	(591,604,920)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15,327,255,427	13,799,036,127
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	19,226,645,000	19,226,645,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	5,716,000,000	5,716,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(9,615,389,573)	(11,143,608,873)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		9,469,353,401	11,788,050,990
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9,469,353,401	11,788,050,990
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**492,803,866,575**	**595,740,212,720**

b. Tình hình nợ phải trả

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**384,836,442,297**	**488,231,574,547**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**381,363,942,297**	**483,993,100,297**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	98,476,787,034	141,341,797,424
2.	Phải trả người bán	312	V.16	164,720,885,923	224,210,302,955
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17	48,822,339,334	74,029,851,677
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	24,534,510,648	14,572,694,564
5.	Phải trả người lao động	315		3,966,422,753	10,096,582,285
6.	Chi phí phải trả	316	V.19	35,647,394,183	12,388,228,067
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	4,983,544,012	7,085,646,844
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	212,058,410	267,996,481
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3,472,500,000**	**4,238,474,250**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	3,472,500,000	4,238,474,250
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Về Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách đã đề ra.
- Trong năm 2013, các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ gồm:

+ Cuộc họp ngày 10 tháng 04 năm 2013 về việc Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị vào nhiệm kỳ mới 2013-2018.

+ Cuộc họp ngày 14 tháng 06 năm 2013 về việc thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2013.

+ Cuộc họp ngày 07 tháng 11 năm 2013 về việc thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2013.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đã ra các Nghị quyết phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của mình tạo điều kiện cho hoạt động của Ban điều hành.

- Tăng cường và kiện toàn công tác nhân sự cho Ban điều hành tương ứng với quy mô hoạt động nhằm đảm bảo khả năng quản lý điều hành công việc của Công ty một cách toàn diện, tránh được những rui ro, thiếu sót trong quá trình hoạt động SXKD.
- Ban hành bổ sung các Quy trình, quy chế mới theo sát các quy định của pháp luật như: Quy chế mới về quản lý trong hoạt động đầu tư vv…..

2. Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty năm 2013:

Trong năm 2013 vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá:

- Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên kết quả kinh doanh không bị thua lỗ, vẫn có lãi trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp lâm vào phá sản hiện nay là một kết quả đang ghi nhận là tốt, Công ty vẫn đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày diễn ra là bình thường.
- Ban điều hành cần tập trung triển khai hơn nữa công tác thu hồi vốn từ các dự án đã thi công xong, đây là một bài toán rất khó khăn trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế về nguồn vốn và tín dụng, tuy nhiên cần lập lộ trình, cơ chế và chi tiết các khoản phải thu và lên kế hoạch cụ thể để thu hồi.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2014

a. Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đảm bảo mục tiêu "Đảm bảo sự tồn tại của Doanh nghiệp và đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người lao động", cụ thể:
   - Sản lượng: 178,84 tỷ đồng
   - Doanh thu: 271,91 tỷ đồng
   - Lợi nhuận sau thuế: 4,84 tỷ đồng
   - Thu nhập bình quân: 6,15 triệu đồng
   - Cổ tức: 5%/năm

b. Tăng cường công tác quản trị tài chính thông qua kiểm soát mức dư nợ ngân hàng. Phấn đấu thực hiện đến cuối năm 2014 đưa mức dự nợ ngân hàng của Công ty giảm xuống hơn nữa thông qua việc chỉ đạo Ban điều hành tập trung vào nhiệm vụ số một đó là thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ và cơ cấu lại các tài sản hiện có của Công ty, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, phải trả hàng tháng, xây dựng kế hoạch và sử dụng vốn có hiệu quả, cân đối trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể. Mở rộng, thiết lập mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng.

c. Chỉ đạo, yêu cầu Ban điều hành cần quan tâm cắt giảm tối đa các chí phí của Công ty, tập trung xây dựng được dự toán các chi phí quản lý, chí phí tài chính theo mức đủ để công ty có thể bù đắp được; Rà soát lại các chi phí, nghiên cứu để bỏ giá chính xác trong công tác đấu thầu.

d. Chỉ đạo thực hiện nghiên cứu, dự thảo xây dựng mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh mới cho Công ty theo hướng hiệu quả; áp dụng thí điểm để tổng kết đánh giá trước khi triển khai áp dụng rộng rãi.

e. Tăng cường công tác đối ngoại, tiếp cận các thông tin để tham gia chào giá, đấu thầu, tìm kiếm bổ sung thêm việc làm để phát huy, khai thác tối đa năng lực máy móc, thiết bị hiện có của Công ty nhằm tiết giảm chi phí quản lý và thu khấu hao máy móc, thiết bị.

f. Chỉ đạo hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành, trong công tác tìm kiếm việc làm, trong công tác quản lý, giám sát các hoạt động của các bộ phận trực thuộc, định hướng tăng cường bổ sung thêm nhân sự quản lý dự án và quản lý cấp cao.

g. Chủ động mở rộng liên hệ hợp tác với các đối tác khách hàng mới liên quan đến hoạt động của Công ty.

h. Lập kế hoạch và triển khai chương tình đào tạo nâng cao chất lượng công tác quản trị cho cán bộ chủ chốt của Công ty và đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ trong diện quy hoạch.tại các đơn vị trực thuộc.

i. Rà soát, xây dựng, sửa đổi để ban hành các quy chế quản trị của Công ty: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc vv …

j. Thực hiện các hoạt động liên quan đến cổ đông, chứng khoán và các quy định về công bố thông tin.

k. Chỉ đạo giám sát thường xuyên hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các Phòng, Ban và các đơn vị trực thuộc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- Danh sách Hội đồng quản trị:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thành viên độc lập/thành viên không điều hành/các thành viên khác	Chức vụ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	0	0	Không điều hành	Phó TGĐ Tổng cty Vinaconex
2	Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	160,438	2.30%	Điều hành	
3	Lê Văn Trung	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	0	0	Điều hành	
4	Chu Anh Đức	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	15,092	0.22%	Điều hành	
5	Lều Hồng Hải	Ủy viên HĐQT	150,000	2.16%	Điều hành	
6	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Ủy viên HĐQT	0	0	Điều hành	

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch	03	100%	*Được bầu lại vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013, Được Bầu lại Chủ tịch HĐQT ngày 10/04/2013*
2	Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Uỷ viên	03	100%	*Được bầu lại vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013*
3	Ông Lê Văn Trung	Uỷ viên	03	100%	*Được bầu lại vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013*
4	Ông Chu Anh Đức	Uỷ viên	03	100%	*Được bầu vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013*
5	Ông Lều Hồng Hải	Uỷ viên	03	100%	*Được bầu vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013*
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Uỷ viên	03	100%	*Được bầu vào nhiệm kỳ HĐQT mới 2013-2018 ngày 29/03/2013*

- Hội đồng quản trị đã giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những công việc chính như sau:
  + Chỉ đạo việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty (được tổ chức vào ngày 29/03/2013).
  + Lập báo cáo tài chính Công ty năm 2012, Báo cáo tài chính quý I, Qúy II, Qúy III, Qúy IV năm 2013 và Báo cáo tài chính bán niên có soát xét của Kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2013.
  + Giám sát chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
  + Giám sát triển khai công tác thu hồi công nợ của Công ty, tái cấu trúc nguồn vốn đầu tư mở rộng.
  + Giám sát triển khai công tác trả nợ ngân hàng và vay vốn tín dụng.
  + Các công việc khác theo thẩm quyền.
- Nghị quyết và Quyết định

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT/VINAVICO	10/04/2013	- Bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị vào nhiệm kỳ mới 2013-2018
2	02/2013/NQ-HĐQT/VINAVICO	14/06/2013	- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2013; - Thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2013; - Thông qua chủ trương góp vốn vổ sung vào Công ty CP đầu tư phát triển điện Miền Bắc 2 – NEDI2; - Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018.
3	03/2013/NQ-HĐQT/VINAVICO	07/11/2013	- Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013; - Thông qua kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2013;

2. Ban kiểm soát

- Danh sách Ban kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	0	0
2	Nguyễn Công Đường	Uỷ viên	-	0%
3	Đinh Huỳnh Môn	Uỷ viên	0	0

- Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp

với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty trong năm 2013.

+ Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
+ Kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.
+ Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính.
+ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế quản trị của Công ty).
+ Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- Đánh giá của Ban kiểm soát

Năm 2013, Hội đồng quản trị đã thể hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các vấn đề sau:

+ HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và bất thường theo quy định của điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành của Công ty.
+ Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
+ Ban hành nghị quyết, quyết định, quy chế để ban điều hành triển khai và thực hiện theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.
+ Thông qua chương trình, nội dung, nghị quyết trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
+ Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
+ Cùng Ban điều hành lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, cố gắng phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đề ra.
+ Năm 2013, Ban kiểm soát không thấy có các quyết định, nghị quyết của HĐQT được ban hành trái với trình tự, thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Năm 2013, Ban Giám đốc đã tích cực trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

+ Ban hành, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ liên quan đến công tác quản lý tài sản, tiền vốn, chính sách lương, cơ cấu tổ chức bộ máy phục vụ cho việc điều hành, quản lý công ty được minh bạch và hiệu quả.
+ Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tuân thủ việc công bố thông tin theo luật Chứng khoán đối với Công ty niêm yết.
+ Đã tích cực và có nhiều cố gắng trong việc điều hành hoạt động SXKD theo chức năng nhiệm vụ quy định của điều lệ Công ty.
+ Năm 2013, Ban kiểm soát nhận thấy không có dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

TT	Chức danh	Kế hoạch chi năm 2013			Thực tế đã chi năm 2013
		Số người	*Mức thù lao tháng/người*	*Tổng tiền thù lao 12 tháng*	*Tổng tiền thù lao 12 tháng*
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	2,000,000	24,000,000	24,000,000
2	Uỷ viên Hội đồng quản trị	2	1,000,000	24,000,000	18,000,000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	1,000,000	12,000,000	12,000,000
4	Uỷ viên Ban kiểm soát	2	500,000	12,000,000	12,000,000
	Cộng			**72,000,000**	**66,000,000**

Kế hoạch đầu năm có 3 thành viên Hội đồng quản trị nhận đủ 12 tháng, tuy nhiên thực tế, việc bổ sung thêm 2 thành viên HĐQT mới từ tháng 04/2013, vì vậy các thành viên này hưởng thù lao 9 tháng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Báo cáo tài chính**: Đính Kèm theo Báo cáo này

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT